

Số: 1703 /QĐ- UBND

Bình Định, ngày 27 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư

Công trình: Trung tâm Phòng chống sốt rét và các bệnh nội tiết tỉnh Bình Định

Hạng mục: Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị.

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009; Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 116/TTr-SYT ngày 30/5/2013 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 119/BC-SKHĐT ngày 18/6/2013,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục trang thiết bị y tế của Dự án đầu tư công trình “Trung tâm Phòng chống sốt rét và các bệnh nội tiết tỉnh Bình Định”; Hạng mục “Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị” (theo Phụ lục đính kèm).

Các nội dung khác: vẫn giữ nguyên và thực hiện theo Quyết định số 1766/QĐ-CTUBND ngày 22/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình “Trung tâm phòng chống sốt rét và các bệnh nội tiết tỉnh Bình Định”; Hạng mục “Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị”.

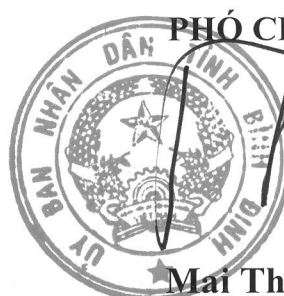
Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1766/QĐ-CTUBND ngày 22/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ đầu tư, Giám đốc Trung tâm Phòng chống sốt rét và các bệnh nội tiết tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP VX;
- Lưu VP, K15.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Thanh Thắng



DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ

(Kèm theo Quyết định số 1703 /QĐ - UBND

ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá tạm tính (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)
1	Máy sinh hóa tự động	Cái	1	527.677	527.677
2	Máy rửa cho Máy Elisa bán tự động	Cái	1	111.090	111.090
3	Máy ly tâm	Cái	1	98.195	98.195
4	Máy phân tích nước tiểu	Cái	1	30.549	30.549
5	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Cái	40	26.185	1.047.400
6	Kính hiển vi huỳnh quang	Cái	2	230.432	460.864
7	Máy định lượng HbA1c tự động	Cái	1	864.121	864.121
8	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa	Cái	1	1.627.468	1.627.468
9	Máy PCR	Cái	1	1.600.225	1.600.225
10	Máy huyết học tự động	Cái	1	1.466.388	1.466.388
11	Pipetman 8 kênh-P300	Cái	5	21.821	109.105
12	Pipetman 8 kênh-P50	Cái	5	21.821	109.105
13	Pipetman đơn 1000µl	Cái	5	7.273	36.365
14	Pipetman đơn 500µl	Cái	5	7.273	36.365
15	Pipetman đơn 200µl	Cái	5	7.273	36.365
16	Pipetman đơn 100µl	Cái	5	7.273	36.365
17	Pipetman đơn 50µl	Cái	5	7.273	36.365
18	Pipetman đơn 20µl	Cái	5	7.273	36.365
19	Pipetman đơn 10µl	Cái	5	7.273	36.365
20	Tủ ấm 37°C	Cái	1	33.922	33.922
21	Tủ lạnh đựng sinh phẩm	Cái	3	104.742	314.226
22	Tủ lạnh đựng bệnh phẩm	Cái	3	104.742	314.226
23	Tủ lạnh nhiệt độ âm sâu giữ mẫu	Cái	2	122.199	244.398
24	Nồi hấp ướ	Cái	2	166.635	333.270
25	Tủ sấy khô	Cái	2	43.206	86.412
26	Máy hút ẩm	Cái	3	14.547	43.641
27	Máy điện tim 3 cần	Cái	1	44.965	44.965
28	Máy siêu âm Doppler màu	Cái	1	1.071.225	1.071.225
29	Máy siêu âm xách tay	Cái	1	521.726	521.726

[Signature]

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá tạm tính (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)
30	Hệ thống X-quang thường quy cao tần 400 mA	Hệ thống	1	640.500	640.500
31	Giường Inox	Cái	20	4.517	90.340
32	Tủ đầu giường Inox	Cái	20	1.505	30.100
33	Cân sức khỏe loại bàn	Cái	20	400	8.000
34	Ghế Inox xét nghiệm	Cái	40	529	21.160
35	Ổ áp trung tâm 100KVA	Cái	1	101.832	101.832
36	Máy vi tính (phục vụ chọc hút)	Bộ	7	26.450	185.150
37	Máy cất nước 1 lần 20 lít/giờ	Cái	1	8.728	8.728
38	Bàn xét nghiệm	Cái	10	13.225	132.250
39	Đèn bẫy muỗi	Cái	20	5.000	100.000
40	Máy đo huyết áp	Cái	20	529	10.580
41	Ống nghe	Cái	20	198	3.960
42	Cân phân tích 0,1mg loại hiện số	Cái	2	54.407	108.814
43	Cân kỹ thuật 0,1g hiện số	Cái	2	14.402	28.804
44	Camera cho máy quang phổ huỳnh quang (phục vụ chọc hút)	Cái	2	38.405	76.810
45	Bộ đại phẫu thuật	Bộ	1	138.862	138.862
46	Bộ trung phẫu thuật	Bộ	1	39.675	39.675
47	Máy xét nghiệm đường huyết	Cái	20	872	17.440
48	Máy đo loãng xương	Cái	1	527.677	527.677
49	Giá để ống nghiệm các loại	Cái	50	529	26.450
50	Hộp đựng lam kính	Cái	50	529	26.450
51	Đồ đựng chất thải Inox	Cái	20	2.645	52.900
52	Tủ lạnh chuyên dụng đựng hóa chất	Cái	1	357.869	357.869
53	Máy nhuộm tế bào (Máy nhuộm lam tự động)	Cái	1	640.090	640.090
54	Bộ thử kháng hóa chất	Bộ	3	5.290	15.870
55	Máy điều hòa tủ đứng	Cái	2	27.110	54.220
	Tổng cộng				14.759.284

Số tiền bằng chữ: Mười bốn tỷ, bảy trăm năm mươi chín triệu, hai trăm tám mươi tư ngàn đồng.

Danh mục này có 55 (năm mươi lăm) loại trang thiết bị./.

